

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/ KDTM -ST

Ngày 04/3/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hưng.

2. Bà Lê Thị Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:* Bà Đàm Thị Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST - KDTM ngày 04/01/2021 (Thụ lý cũ số: 22/2020/TLST - KDTM ngày 18/11/2020), về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (Tên công ty viết tắt: ACB). Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Kh, phường 5, quận 3, Thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T- Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn X - Chức vụ: Nhân viên của Ngân hàng TMCP A (Theo Giấy ủy quyền lại số: 1141/UQ-QLN.20 ngày 13/10/2020 của Giám đốc Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP A). Địa chỉ liên hệ: 38-40 Trần Phú (nối dài), phường Tây Sơn, thành phố K, tỉnh L. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Tá T, sinh năm 1953 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1956. Cùng nơi cư trú: Thôn 11- Kon Hnong Yốp, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2020; bản tự khai ngày 07/12/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB) ông Võ Văn X trình bày:

Ngày 01/6/2018 ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th có ký Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.126.010618 và Phụ lục hợp đồng số: KTU.CN.126.010618/PL - 01 với Ngân hàng thương mại cổ phần A vay số tiền 960.000.000 đồng (*Chín trăm*

sáu mươi triệu đồng), Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên theo Khế ước nhận nợ số: 2800515999 ngày 21/3/2019; Khế ước nhận nợ số: 280663869 ngày 23/3/2019; Khế ước nhận nợ số: 281254849 ngày 02/4/2019 và các giấy lĩnh tiền ngày 21/3/2019; ngày 23/3/2019; ngày 02/4/2019; Mục đích vay vốn: Để sản xuất kinh doanh - Bổ sung vốn lưu động - Bổ sung vốn kinh doanh nông sản và phân bón; Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng; Thời hạn hiệu lực HMTD: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (ngày 01/6/2018); Thời hạn cho vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ và tối đa không quá 10 tháng kể từ ngày kết tiếp của ngày giải ngân; Lãi suất cho vay quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ là 9,2%/năm; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th đã dùng tài sản của mình thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517/SĐBS-01 ngày 01/6/2018, tài sản thế chấp gồm có:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 05+06, tờ bản đồ số: 28. Địa chỉ thửa đất: Thôn 10, xã U, huyện H, tỉnh T (nay là Thôn Đoàn Kết, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 561582, ngày 13 tháng 01 năm 2012 mang tên người sử dụng hộ ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th. Đã được thay đổi từ hộ ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th thành ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th theo hồ sơ số 000430.TQ.11; Thay đổi địa chỉ thửa đất từ Thôn 10, xã Đắk Ui, huyện Đắk Hà thành Thôn Đoàn Kết, xã Ng, huyện H theo hồ sơ số 000430.DT.12.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517/SĐBS-01 ngày 01/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Kon Tum ngày 01/6/2018 và được đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đến thời hạn thanh toán nợ vay, ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nội dung đã được thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số:KTU.CN.126.010618; Phụ lục hợp đồng số:KTU.CN. 126.010618/PL - 01 và các Khế ước nhận nợ, khoản vay 960.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu đồng*) đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng thương mại cổ phần A nhiều lần đến nhà gặp, nhưng Võ Tá T và bà Bùi Thị Th cố tình trốn tránh, không trả số nợ vay cả gốc và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày 11/01/2021 là 1.079.836.870 đồng (*Một tỷ*

không trăm bảy mươi chín triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi đồng), trong đó gồm vốn gốc: 960.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu đồng*), lãi trong hạn: 8.363.836 đồng (*Tám triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng*), lãi quá hạn: 106.223.613 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu hai trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm mười ba đồng*), phạt chậm trả lãi 5.249.421 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi một đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi quá hạn và thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi 5.249.421 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi một đồng*) thành khoản tiền phạt chậm trả trên lãi trong hạn chưa thanh toán là 932.720 đồng (*Chín trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng*) và cung cấp bảng theo dõi gốc, lãi vay tính đến ngày xét xử 04/3/2021 thì ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th còn nợ số tiền 1.139.050.467 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó nợ gốc: 960.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn: 8.363.836 đồng (*Tám triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng*), lãi quá hạn: 169.753.911 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn chín trăm mười một đồng*), phạt chậm trả trên lãi trong hạn chưa thanh toán: 932.720 đồng (*Chín trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng*). Ngân hàng yêu cầu ông T, bà Th phải trả số tiền nợ trên và lãi phát sinh nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thoả thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.126.010618 ngày 01/6/2018; Phụ lục hợp đồng số: KTU.CN.126.010618/PL - 01 ngày 01/6/2018 và các Khế ước nhận nợ cho đến khi ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th trả nợ hết cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

- Nếu ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517/SĐBS-01 ngày 01/6/2018 đã được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng: Yêu cầu ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải chịu theo quy định.

** Bị đơn ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th:*

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th vắng mặt, Tòa án đã thực hiện phương thức tổng đạt hợp lệ quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đó là, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi cư trú của ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th, trụ sở

Ủy ban nhân dân xã Đăk Hring và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ, chứng minh, không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11/01/2021 cho ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th biết.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 05/02/2021 đã hoãn phiên tòa do ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nên Hội đồng xét xử đã căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vụ án vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 04/3/2021. Do không tổng đạt được Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-KDTM ngày 05/02/2021 và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập họp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán và các quy định khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: Thẩm phán đã xem xét thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thu thập chứng cứ: Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; xác minh đương sự vắng mặt tại nơi cư trú và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A và bị đơn ông Võ Tá T, bà Bùi Thị Th ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.126.010618 ngày 01/6/2018 và Phụ lục hợp đồng số: KTU.CN.126.010618/PL - 01 ngày 01/6/2018. Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho bên vay đủ số tiền như hợp đồng đã ký kết. Bị đơn đã nhận đủ tiền vay nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thanh toán hết nợ gốc và nợ lãi theo điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện buộc bên vay là ông Võ Tá T, bà Bùi Thị Th phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ và tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản vay là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; các Điều 463, 466; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB) số tiền nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.126.010618 và Phụ lục hợp đồng số: KTU.CN.126.010618/PL - 01 ký ngày 01/6/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/3/2021 là: 1.139.050.467 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó nợ gốc: 960.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn: 8.363.836 đồng (*Tám triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng*), lãi quá hạn: 169.753.911 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn chín trăm mười một đồng*), phạt chậm trả trên lãi trong hạn chưa thanh toán: 932.720 đồng (*Chín trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng*) và lãi suất phát sinh theo lãi suất trong Hợp đồng cấp tín dụng và Phụ lục hợp đồng mà hai bên đã ký cho tới khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa và xem xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. *Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Võ Tá T, bà Bùi Thị Th quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi bị đơn ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th cư trú Thôn 11- Kon Hnong Yốp, xã Đ, huyện H, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ủy quyền tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Việc ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.126.010618 ký ngày 01/6/2018 và Phụ lục hợp đồng số: KTU.CN. 126.010618/PL - 01 ngày 01/6/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517 ngày 23/5/2017, số công chứng: 2402; Quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN.02230517/SĐBS-01 ngày 01/6/2018, số công chứng: 2944; Quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 được ký sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2.2]. Xét về yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.126.010618 ký ngày 01/6/2018 và Phụ lục hợp đồng số: KTU.CN. 126.010618/PL - 01 ngày 01/6/2018 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Kon Tum và bên vay là ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th tuân thủ quy định tại các điều 116, 117 của Bộ luật Dân sự với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, Ngân hàng thương mại cổ phần A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là 960.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu đồng*). Ông Võ Tá T, bà Bùi Thị Th đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ

nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản trong hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong Hợp đồng cấp tín dụng và Phụ lục hợp đồng, các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền phạt chậm trả lãi: 5.249.421 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi một đồng*) thành khoản tiền phạt chậm trả trên lãi trong hạn chưa thanh toán là 932.720 đồng (*Chín trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng*), xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện, không vi phạm điều cấm, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay, ngày 04/3/2021 thì ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên là: 1.139.050.467 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó nợ gốc: 960.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn: 8.363.836 đồng (*Tám triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng*), lãi quá hạn: 169.753.911 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn chín trăm mười một đồng*), phạt chậm trả trên lãi trong hạn chưa thanh toán: 932.720 đồng (*Chín trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng*). Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện buộc ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải trả khoản nợ gốc và các khoản nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 463; 465; 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, nếu bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ: Ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chủ sử dụng là ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th, từ khi thế chấp tài sản đến nay không cho thuê, mượn, chuyển nhượng, không có tranh chấp với ai; hiện trạng đất và tài sản gắn liền trên đất đúng như mô tả tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà. Căn cứ Điều 298 Bộ luật dân sự; Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 và Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017, việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì thời điểm có hiệu lực của đăng ký biện pháp bảo đảm là thời điểm cơ quan đăng ký ghi nội dung đăng ký vào sổ đăng ký.

Xét, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517 ngày 23/5/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KTU.BĐCN. 02230517/SĐBS-01 ngày 01/6/2018 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1 - Tỉnh Kon Tum ngày 23/5/2017 và ngày 01/6/2018, được đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên việc thế chấp tài sản trên có hiệu lực pháp luật. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A đề nghị cơ quan có

thẩm quyền thi hành án, tiến hành kê biên, bán tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa bên thế chấp, bên nhận thế chấp để thu hồi nợ là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và được trả lại số tiền tạm ứng án phí, tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 116; 117; 317; 318; 319; 322; 429; 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 90; 91; 94; 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB) đề ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Buộc ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB) số tiền là: 1.139.050.467 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó nợ gốc: 960.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn: 8.363.836 đồng (*Tám triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng*), lãi quá hạn: 169.753.911 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn chín trăm mười một đồng*), phạt chậm trả trên lãi trong hạn chưa thanh toán: 932.720 đồng (*Chín trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi đồng*) tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/3/2021.

Lãi suất phát sinh sẽ tiếp tục được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/3/2021) theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.126.010618 ký ngày 01/6/2018; Phụ lục hợp đồng số: KTU.CN.126.010618/PL - 01 ngày 01/6/2018 và Khế ước nhận nợ cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần A (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Tá T và bà Bùi Thị

Th (bên phải thi hành án) không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đối với khoản vay nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên xử lý tài sản thế chấp bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm có:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 05+06, tờ bản đồ số: 28. Địa chỉ thửa đất: Thôn 10, xã U, huyện H, tỉnh T (nay là Thôn Đoàn Kết, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 561582, ngày 13 tháng 01 năm 2012 mang tên người sử dụng hộ ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th. Đã được thay đổi từ hộ ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th thành ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th theo hồ sơ số 000430.TQ.11; Thay đổi địa chỉ thửa đất từ Thôn 10, xã Đắk Ui, huyện Đắk Hà thành Thôn Đoàn Kết, xã Ng, huyện H theo hồ sơ số 000430.DT.12.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý cho việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th đối với Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm ngàn đồng*). Buộc ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải chịu toàn bộ.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm ngàn đồng*).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.171.514 đồng (*Bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi một ngàn năm trăm mười bốn đồng*).

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 21.439.565 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004403 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2021) Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn ông Võ Tá T và bà Bùi Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại ĐN;
- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đoàn Thị Kim Anh

